

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN CHO GIÁO VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Phương - Trường Tiểu học An Phú, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 10/12/2018; ngày sửa chữa: 20/12/2018; ngày duyệt đăng: 07/01/2019.

Abstract: The article presents the survey results of 127 managers and teachers on the reality of managing professional training for teachers at primary schools in District 2, Ho Chi Minh City. The survey results are the practical basis for proposing measures to develop this staff. Survey results are a practical basis to propose management measures to suit local characteristics.

Keywords: Current status, professional training, primary teacher.

1. Mở đầu

Đội ngũ giáo viên (GV) là nhân tố quan trọng hàng đầu góp phần to lớn tạo nên chất lượng giáo dục cho mỗi quốc gia. Nguồn lực con người có vai trò quan trọng nên Đảng và Nhà nước đã đặt giáo dục là “quốc sách hàng đầu” trong mọi lĩnh vực. Điều này được thể hiện rõ trong giải pháp phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục của Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”: “...Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để đến năm 2020, 100% GV mầm non và phổ thông đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó 60% GV mầm non, 100% GV tiểu học, 88% GV trung học cơ sở và 16,6% GV trung học phổ thông đạt trình độ đào tạo trên chuẩn...” [1]. Để đạt được mục tiêu này, việc đầu tư bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ GV là khâu then chốt, trong đó có GV tiểu học. Tiểu học là cấp học phổ thông mang tính đặc thù, bởi vì cấp học này rất quan trọng trong việc hình thành kiến thức, năng lực cho trẻ. GV tiểu học giữ vai trò rất quan trọng trong việc vừa dạy vừa giáo dục trẻ phát triển một cách toàn diện; không chỉ đóng vai trò truyền đạt tri thức mà phải có năng lực phát triển cảm xúc, thái độ, hành vi của học sinh, giúp các em làm chủ và biết vận dụng hợp lý những tri thức đó. Chính vì vậy, việc quản lý bồi dưỡng chuyên môn cho GV tiểu học là việc làm cấp thiết trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Để có cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp, bài viết trình bày thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV ở các trường trường tiểu học quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

- *Mục tiêu khảo sát:* Nhằm đánh giá mức độ và hiệu quả thực hiện các chức năng quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV ở các trường tiểu học quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- *Nội dung khảo sát:* Thực trạng quản lý việc lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV ở các trường tiểu học quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- *Đối tượng khảo sát:* 127 người, trong đó có 10 CBQL và 117 GV của 06 trường tiểu học quận 2, TP. Hồ Chí Minh: An Bình, Huỳnh Văn Ngời, Giồng Ông Tố, Nguyễn Hiền, Thạnh Mỹ Lợi, Mỹ Thủy.

- *Phương pháp khảo sát:*

+ *Khảo sát bằng bảng hỏi:* Chúng tôi thiết kế phiếu khảo sát với nội dung thể hiện những nhiệm vụ cụ thể của công tác lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV ở các trường tiểu học quận 2, TP. Hồ Chí Minh với thang đo đánh giá được quy ước như sau: về *Mức độ thực hiện:* 1: Không thực hiện; 2: Không thường xuyên; 3: Thường xuyên; 4: Rất thường xuyên; về *Mức độ hiệu quả:* 1: Yếu; 2: Trung bình; 3: Khá; 4: Tốt.

+ *Phỏng vấn sâu* một số CBQL và GV nhằm làm rõ hơn kết quả điều tra thu nhận từ bảng hỏi.

- Thời gian khảo sát: tháng 5-7/2018.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên tiểu học (bảng 1 trang bên)

Bảng 1 cho thấy, nhìn chung, CBQL đánh giá mức độ và hiệu quả thực hiện các nội dung lập kế hoạch cao hơn GV. Điều này cho thấy sự không thống nhất trong đánh giá công tác lập kế hoạch hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV ở các trường tiểu học quận 2, TP. Hồ Chí Minh. Trong đó, nội dung được cả CBQL và GV đánh giá thấp nhất về mức độ thường xuyên là “GV xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn của từng cá nhân” với 20% thường xuyên và rất thường xuyên (CBQL), 23,1% thường xuyên và 26,5% rất thường xuyên (GV); hiệu quả thực hiện tương ứng của nội dung

Bảng 1. Mức độ thực hiện và tính hiệu quả của việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho GV tiểu học

| Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng | Nhóm đánh giá | | Mức độ thực hiện | | | | Hiệu quả thực hiện | | | |
|--|---------------|----|------------------|------|------|------|--------------------|------|------|------|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. Triển khai kế hoạch bồi dưỡng GV của Bộ, Sở và Phòng GD-ĐT | CBQL | SL | 0 | 1 | 3 | 6 | 1 | 1 | 3 | 5 |
| | | % | 0 | 10 | 30 | 60 | 10 | 10 | 30 | 50 |
| | GV | SL | 10 | 30 | 34 | 43 | 12 | 34 | 32 | 39 |
| | | % | 8,5 | 25,6 | 29,1 | 36,8 | 10,2 | 29,1 | 27,4 | 33,3 |
| 2. Lấy ý kiến về nhu cầu bồi dưỡng của GV | CBQL | SL | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | 4 | 3 |
| | | % | 10 | 20 | 30 | 40 | 10 | 20 | 40 | 30 |
| | GV | SL | 20 | 23 | 36 | 38 | 24 | 25 | 33 | 35 |
| | | % | 17,0 | 19,7 | 30,8 | 32,5 | 20,5 | 21,4 | 28,2 | 29,9 |
| 3. Ban Giám hiệu (BGH) xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn | CBQL | SL | 0 | 0 | 3 | 7 | 0 | 1 | 4 | 5 |
| | | % | 0 | 0 | 30 | 70 | 0 | 10 | 40 | 50 |
| | GV | SL | 4 | 24 | 39 | 50 | 5 | 29 | 37 | 46 |
| | | % | 3,4 | 20,5 | 33,4 | 42,7 | 4,3 | 24,8 | 31,6 | 39,3 |
| 4. Triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho GV trong toàn trường | CBQL | SL | 1 | 1 | 3 | 5 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | % | 10 | 10 | 30 | 50 | 10 | 20 | 30 | 40 |
| | GV | SL | 16 | 21 | 40 | 40 | 18 | 24 | 37 | 38 |
| | | % | 13,7 | 17,9 | 34,2 | 34,2 | 15,4 | 20,5 | 31,6 | 32,5 |
| 5. Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng của tổ | CBQL | SL | 3 | 2 | 3 | 2 | 4 | 2 | 2 | 2 |
| | | % | 30 | 20 | 30 | 20 | 40 | 20 | 20 | 20 |
| | GV | SL | 25 | 28 | 29 | 35 | 27 | 30 | 27 | 33 |
| | | % | 21,4 | 23,9 | 24,8 | 29,9 | 23,1 | 25,6 | 23,1 | 28,2 |
| 6. GV xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn của từng cá nhân | CBQL | SL | 3 | 3 | 2 | 2 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| | | % | 30 | 30 | 20 | 20 | 40 | 30 | 20 | 10 |
| | GV | SL | 27 | 32 | 27 | 31 | 34 | 30 | 24 | 29 |
| | | % | 23,1 | 27,3 | 23,1 | 26,5 | 29,1 | 25,6 | 20,5 | 24,8 |

này cũng được đánh giá thấp với 20% khá và 10% tốt (CBQL), 20,5% khá và 24,8% tốt (GV).

Các nội dung được đánh giá tương đối thấp tiếp theo lần lượt là “Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng của tổ” và “Lấy ý kiến về nhu cầu bồi dưỡng của GV”.

Qua trao đổi phỏng vấn một số CBQL và GV tiểu học, đa số họ đều cho rằng: vẫn còn một số GV chưa thể hiện rõ kế hoạch bồi dưỡng trong kế hoạch cá nhân của mình mà chỉ chờ vào kế hoạch do lãnh đạo nhà trường xây dựng để thực hiện theo. Điều này đã dẫn tới kế hoạch của tổ cũng chưa tốt vì các thành viên không tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch chung. Việc lấy ý kiến về nhu cầu bồi dưỡng vẫn còn một vài trường thực hiện chưa tốt, dẫn đến nội dung bồi dưỡng chưa hay, chưa lôi cuốn GV vào việc học tập bồi dưỡng chuyên môn.

2.2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên tiểu học (bảng 2 trang bên)

Bảng 2 cho thấy: cả CBQL và GV đều đánh giá hiệu quả thực hiện thấp hơn mức độ thực hiện, tức là các nội dung được thực hiện thường xuyên nhưng hiệu quả tương ứng thì không cao.

Nội dung được đánh giá ít thường xuyên nhất là “BGH tạo điều kiện cho GV tham gia học lớp sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn” với 30% thường xuyên và 20% rất thường xuyên (CBQL đánh giá), 23,1% thường xuyên và 17,9% rất thường xuyên (GV đánh giá); hiệu quả thực hiện chỉ đạt 30% khá và 10% tốt (CBQL đánh giá), 20,5% khá và 18,8% tốt (GV đánh giá). Qua trao đổi, phỏng vấn một số CBQL và GV thì chúng tôi được biết: kinh phí của nhà trường hạn hẹp nên việc bố trí cấp kinh phí cho GV đi

Bảng 2. Mức độ thực hiện và tính hiệu quả của việc tổ chức hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên tiểu học

| Tổ chức hoạt động bồi dưỡng | Nhóm đánh giá | | Mức độ thực hiện | | | | Hiệu quả thực hiện | | | |
|--|---------------|----|------------------|------|------|------|--------------------|------|------|------|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. BGH sắp xếp, bố trí các nguồn lực phục vụ hoạt động bồi dưỡng | CBQL | SL | 0 | 1 | 3 | 6 | 1 | 1 | 3 | 5 |
| | | % | 0 | 10 | 30 | 60 | 10 | 10 | 30 | 50 |
| | GV | SL | 10 | 30 | 34 | 43 | 12 | 34 | 32 | 39 |
| | | % | 8,5 | 25,6 | 29,1 | 36,8 | 10,2 | 29,1 | 27,4 | 33,3 |
| 2. BGH cử GV tham gia bồi dưỡng đạt chuẩn và nâng chuẩn | CBQL | SL | 0 | 1 | 4 | 5 | 0 | 3 | 3 | 4 |
| | | % | 0 | 10 | 40 | 50 | 0 | 30 | 30 | 40 |
| | GV | SL | 23 | 22 | 35 | 37 | 21 | 27 | 35 | 34 |
| | | % | 19,7 | 18,8 | 29,9 | 31,6 | 17,9 | 23,1 | 29,9 | 29,1 |
| 3. BGH lựa chọn GV tham gia tập huấn theo kế hoạch của Bộ, Sở và Phòng GD-ĐT | CBQL | SL | 0 | 0 | 3 | 7 | 0 | 1 | 4 | 5 |
| | | % | 0 | 0 | 30 | 70 | 0 | 10 | 40 | 50 |
| | GV | SL | 4 | 24 | 39 | 50 | 5 | 29 | 37 | 46 |
| | | % | 3,5 | 20,5 | 33,3 | 42,7 | 4,3 | 24,8 | 31,6 | 39,3 |
| 4. BGH bố trí GV có chuyên môn giỏi, giàu kinh nghiệm làm lực lượng nòng cốt trong hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV | CBQL | SL | 1 | 1 | 4 | 4 | 2 | 2 | 3 | 3 |
| | | % | 10 | 10 | 40 | 40 | 20 | 20 | 30 | 30 |
| | GV | SL | 32 | 33 | 26 | 26 | 33 | 35 | 24 | 25 |
| | | % | 27,4 | 28,2 | 22,2 | 22,2 | 28,2 | 29,9 | 20,5 | 21,4 |
| 5. BGH trang bị các phương tiện, điều kiện cần thiết cho GV khi tham gia bồi dưỡng | CBQL | SL | 2 | 2 | 3 | 3 | 4 | 2 | 3 | 1 |
| | | % | 20 | 20 | 30 | 30 | 40 | 20 | 30 | 10 |
| | GV | SL | 25 | 28 | 29 | 35 | 27 | 30 | 27 | 33 |
| | | % | 21,4 | 23,9 | 24,8 | 29,9 | 23,1 | 25,6 | 23,1 | 28,2 |
| 6. BGH tăng cường tham dự các buổi sinh hoạt với các tổ chuyên môn | CBQL | SL | 0 | 1 | 3 | 6 | 1 | 1 | 3 | 5 |
| | | % | 0 | 10 | 30 | 60 | 10 | 10 | 30 | 50 |
| | GV | SL | 28 | 27 | 31 | 31 | 27 | 34 | 29 | 27 |
| | | % | 23,9 | 23,1 | 26,5 | 26,5 | 23,1 | 29,0 | 24,8 | 23,1 |
| 7. BGH cung cấp tài liệu chuyên môn cho GV tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng | CBQL | SL | 2 | 1 | 3 | 4 | 2 | 3 | 3 | 2 |
| | | % | 20 | 10 | 30 | 40 | 20 | 30 | 30 | 20 |
| | GV | SL | 34 | 35 | 26 | 22 | 35 | 36 | 24 | 22 |
| | | % | 29,1 | 29,9 | 22,2 | 18,8 | 29,9 | 30,8 | 20,5 | 18,8 |
| 8. BGH tạo điều kiện cho GV tham gia học lớp “sau đại học” để nâng cao trình độ chuyên môn | CBQL | SL | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 1 |
| | | % | 30 | 20 | 30 | 20 | 30 | 30 | 30 | 10 |
| | GV | SL | 32 | 37 | 27 | 21 | 35 | 36 | 24 | 22 |
| | | % | 27,4 | 31,6 | 23,1 | 17,9 | 29,9 | 30,8 | 20,5 | 18,8 |

học lên trình độ thạc sĩ rất khó khăn, nếu đi học GV phải tự túc toàn bộ và phải nghỉ dạy nên bị cắt lương đứng lớp. Điều này đã không tạo điều kiện tốt nhất cho GV nâng cao trình độ chuyên môn.

Những nội dung như “BGH trang bị các phương tiện, điều kiện cần thiết cho GV khi tham gia bồi dưỡng

chuyên môn” và “Cung cấp tài liệu chuyên môn cho GV tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng” cũng được đánh giá là thực hiện chưa thường xuyên và kết quả thực hiện chưa được tốt. Kết quả phỏng vấn đã cho thấy, nguyên nhân chính là nhà trường chỉ tạo điều kiện về mặt thời gian, cho phép sắp xếp chuyên môn sao cho không ảnh hưởng đến việc dạy học theo quy định để tham gia bồi dưỡng hoặc tự bồi

dưỡng, còn tài liệu bồi dưỡng thì GV phải tự trang bị (nhà trường không cấp kinh phí).

2.2.3. *Thực trạng chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên tiểu học (bảng 3)*

thực hiện cũng chưa tốt (20% khá và 10% tốt ở CBQL, 20,5% khá và 24,8% tốt ở GV). Khi trao đổi, phỏng vấn CBQL và GV, đa số các ý kiến đều cho rằng: Ở trường tiểu học, rất hiếm khi GV được tham gia các câu lạc bộ

Bảng 3. Mức độ thực hiện và tính hiệu quả của việc chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên tiểu học

| Chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng | Nhóm đánh giá | | Mức độ thực hiện | | | | Hiệu quả thực hiện | | | |
|---|---------------|----|------------------|------|------|------|--------------------|------|------|------|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. Phát huy vai trò của Tổ chuyên môn, GV, CBQL | CBQL | SL | 0 | 0 | 4 | 6 | 0 | 1 | 4 | 5 |
| | | % | 0 | 0 | 40 | 60 | 0 | 10 | 40 | 50 |
| | GV | SL | 5 | 23 | 40 | 49 | 5 | 29 | 37 | 46 |
| | | % | 4,2 | 19,7 | 34,2 | 41,9 | 4,3 | 24,8 | 31,6 | 39,3 |
| 2. Hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng của tổ và từng cá nhân GV | CBQL | SL | 0 | 2 | 3 | 5 | 0 | 3 | 3 | 4 |
| | | % | 0 | 20 | 30 | 50 | 0 | 30 | 30 | 40 |
| | GV | SL | 11 | 15 | 42 | 49 | 13 | 17 | 39 | 48 |
| | | % | 9,4 | 12,8 | 35,9 | 41,9 | 11,2 | 14,5 | 33,3 | 41,0 |
| 3. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chuyên đề tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề, thực tập sư phạm cho GV tại trường | CBQL | SL | 0 | 1 | 3 | 6 | 1 | 1 | 3 | 5 |
| | | % | 0 | 10 | 30 | 60 | 10 | 10 | 30 | 50 |
| | GV | SL | 8 | 12 | 44 | 53 | 9 | 14 | 43 | 51 |
| | | % | 6,8 | 10,3 | 37,6 | 45,3 | 7,6 | 12,0 | 36,8 | 43,6 |
| 4. Tổ chức câu lạc bộ, hội thảo để GV trao đổi, học tập kinh nghiệm | CBQL | SL | 3 | 3 | 2 | 2 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| | | % | 30 | 30 | 20 | 20 | 40 | 30 | 20 | 10 |
| | GV | SL | 28 | 31 | 29 | 29 | 34 | 30 | 24 | 29 |
| | | % | 23,9 | 26,5 | 24,8 | 24,8 | 29,1 | 25,6 | 20,5 | 24,8 |
| 5. Triển khai lại các chuyên đề do Sở và Phòng GD-ĐT tổ chức cho tập thể sư phạm nhà trường học tập | CBQL | SL | 0 | 0 | 3 | 7 | 0 | 0 | 4 | 6 |
| | | % | 0 | 0 | 30 | 70 | 0 | 0 | 40 | 60 |
| | GV | SL | 4 | 24 | 39 | 50 | 5 | 29 | 37 | 46 |
| | | % | 3,5 | 20,5 | 33,3 | 42,7 | 4,3 | 24,8 | 31,6 | 39,3 |
| 6. Tuyên dương GV, tổ chuyên môn thực hiện tốt hoạt động bồi dưỡng chuyên môn | CBQL | SL | 2 | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 | 3 | 3 |
| | | % | 20 | 20 | 30 | 30 | 10 | 30 | 30 | 30 |
| | GV | SL | 21 | 22 | 34 | 40 | 25 | 24 | 32 | 36 |
| | | % | 17,9 | 18,8 | 29,1 | 34,2 | 21,3 | 20,5 | 27,4 | 30,8 |
| 7. BGH thường xuyên dự giờ, góp ý cho GV sau các đợt bồi dưỡng, rút kinh nghiệm | CBQL | SL | 3 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 | 3 | 2 |
| | | % | 30 | 20 | 20 | 30 | 30 | 20 | 30 | 20 |
| | GV | SL | 26 | 27 | 30 | 34 | 28 | 29 | 26 | 34 |
| | | % | 22,2 | 23,1 | 25,6 | 29,1 | 23,9 | 24,8 | 22,2 | 29,1 |

Bảng 3 cho thấy: nhìn chung, CBQL đánh giá mức độ và hiệu quả thực hiện các nội dung là cao hơn GV đánh giá (thường xuyên và tốt hơn). Nội dung được cả CBQL và GV đánh giá ít thường xuyên nhất là “Tổ chức câu lạc bộ, hội thảo để GV trao đổi, học tập kinh nghiệm” với 20% thường xuyên và 20% rất thường xuyên ở CBQL, 24,8% thường xuyên và 24,8% rất thường xuyên ở GV; hiệu quả

hoặc hội thảo bởi vì để tổ chức một cuộc hội thảo phải mời các chuyên gia có uy tín, việc này là quá sức với một trường tiểu học với nguồn kinh phí không cho phép; hơn nữa, việc này phải làm thường xuyên thì mới cập nhật kịp với những thay đổi giáo dục như hiện nay.

Các nội dung khác cũng được đánh giá thấp về mức độ thực hiện lần lượt là “BGH thường xuyên dự giờ, góp

Bảng 4. Mức độ thực hiện và tính hiệu quả của việc kiểm tra, đánh giá hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên tiểu học

| Kiểm tra, đánh giá hoạt động bồi dưỡng | Nhóm đánh giá | | Mức độ thực hiện | | | | Hiệu quả thực hiện | | | |
|--|---------------|----|------------------|------|------|------|--------------------|------|------|------|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. Kiểm tra thường xuyên việc xây dựng kế hoạch của tổ chuyên môn, cá nhân và việc thực hiện kế hoạch | CBQL | SL | 0 | 1 | 4 | 5 | 0 | 3 | 3 | 4 |
| | | % | 0 | 10 | 40 | 50 | 0 | 30 | 30 | 40 |
| | GV | SL | 21 | 23 | 35 | 38 | 21 | 27 | 34 | 35 |
| | | % | 17,9 | 19,7 | 29,9 | 32,5 | 17,9 | 23,0 | 29,1 | 29,9 |
| 2. Xây dựng và triển khai tiêu chí đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên | CBQL | SL | 2 | 2 | 3 | 3 | 4 | 2 | 3 | 1 |
| | | % | 20 | 20 | 30 | 30 | 40 | 20 | 30 | 10 |
| | GV | SL | 26 | 27 | 30 | 34 | 27 | 31 | 27 | 32 |
| | | % | 22,2 | 23,1 | 25,6 | 29,1 | 23,1 | 26,5 | 23,1 | 27,4 |
| 3. Đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra việc thực hiện | CBQL | SL | 0 | 0 | 3 | 7 | 0 | 0 | 4 | 6 |
| | | % | 0 | 0 | 30 | 70 | 0 | 0 | 40 | 60 |
| | GV | SL | 5 | 23 | 40 | 49 | 6 | 28 | 38 | 45 |
| | | % | 4,2 | 19,7 | 34,2 | 41,9 | 5,1 | 23,9 | 32,5 | 38,5 |
| 4. Bổ sung cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ tốt cho hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV | CBQL | SL | 1 | 1 | 3 | 5 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | % | 10 | 10 | 30 | 50 | 10 | 20 | 30 | 40 |
| | GV | SL | 23 | 21 | 34 | 39 | 18 | 24 | 38 | 37 |
| | | % | 19,7 | 17,9 | 29,1 | 33,3 | 15,4 | 20,5 | 32,5 | 31,6 |
| 5. Kiểm tra, rà soát đội ngũ về số lượng, trình độ, cơ cấu để có sự điều chỉnh phù hợp | CBQL | SL | 2 | 1 | 3 | 4 | 2 | 3 | 3 | 2 |
| | | % | 20 | 10 | 30 | 40 | 20 | 30 | 30 | 20 |
| | GV | SL | 33 | 36 | 25 | 23 | 34 | 37 | 24 | 22 |
| | | % | 28,1 | 30,8 | 21,4 | 19,7 | 29,1 | 31,6 | 20,5 | 18,8 |
| 6. Khen thưởng GV tích cực học tập, bồi dưỡng và đạt thành tích trong phong trào thi đua dạy tốt - học tốt | CBQL | SL | 1 | 1 | 4 | 4 | 2 | 2 | 3 | 3 |
| | | % | 10 | 10 | 40 | 40 | 20 | 20 | 30 | 30 |
| | GV | SL | 34 | 31 | 27 | 25 | 33 | 37 | 24 | 23 |
| | | % | 29,0 | 26,5 | 23,1 | 21,4 | 28,2 | 31,6 | 20,5 | 19,7 |
| 7. Phê bình, nhắc nhở GV chưa tích cực học tập, tự bồi dưỡng | CBQL | SL | 0 | 0 | 4 | 6 | 0 | 1 | 4 | 5 |
| | | % | 0 | 0 | 40 | 60 | 0 | 10 | 40 | 50 |
| | GV | SL | 6 | 22 | 38 | 51 | 5 | 29 | 36 | 47 |
| | | % | 5,1 | 18,8 | 32,5 | 43,6 | 4,2 | 24,8 | 30,8 | 40,2 |
| 8. Đánh giá, rút kinh nghiệm cho GV theo từng giai đoạn và từng năm học | CBQL | SL | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 1 |
| | | % | 30 | 20 | 30 | 20 | 30 | 30 | 30 | 10 |
| | GV | SL | 31 | 36 | 28 | 22 | 33 | 38 | 26 | 20 |
| | | % | 26,5 | 30,8 | 23,9 | 18,8 | 28,2 | 32,5 | 22,2 | 17,1 |

ý cho GV sau các đợt bồi dưỡng, rút kinh nghiệm” (CBQL: 20% thường xuyên và 30% rất thường xuyên; GV: 25,6% thường xuyên và 29,1% rất thường xuyên), “Tuyên dương GV, tổ chuyên môn thực hiện tốt hoạt động bồi dưỡng chuyên môn” (CBQL: 30% thường xuyên và 30% rất thường xuyên; GV: 29,1% thường

xuyên và 34,2% rất thường xuyên) và hiệu quả tương ứng cũng thấp hơn so với mức độ thực hiện. Để làm rõ hơn thực trạng này, chúng tôi đã phỏng vấn một số CBQL và GV, kết quả cho thấy: BGH chủ yếu đánh giá qua bản thu hoạch hoặc báo cáo của GV mà ít khi tham gia dự giờ trực tiếp để góp ý; vấn đề bồi dưỡng chuyên

môn vẫn chưa đưa vào tiêu chí xét danh hiệu thi đua mà mới chỉ dừng ở mức khuyến khích. Những vấn đề này cần được các hiệu trưởng khắc phục trong thời gian tới.

2.2.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên tiểu học (bảng 4)

Bảng 4 cho thấy: nhìn chung, các nội dung được CBQL đánh giá cao hơn GV về mức độ và hiệu quả thực hiện. Được đánh giá thấp nhất là nội dung “Đánh giá, rút kinh nghiệm cho GV theo từng giai đoạn và từng năm học” với 30% thường xuyên và 20% rất thường xuyên do CBQL đánh giá, 23,9% thường xuyên và 18,8% rất thường xuyên do GV đánh giá; hiệu quả thực hiện tương ứng: 30% khá và 10% tốt do GV đánh giá, 22,2% khá và 17,1% tốt do GV đánh giá. Để làm rõ hơn kết quả này, chúng tôi đã phỏng vấn một số CBQL và GV, đa số họ đều cho rằng: Sau mỗi chuyên đề bồi dưỡng, GV viết bản thu hoạch nộp cho tổ trưởng chuyên môn để chấm, sau đó BGH kiểm tra và cho điểm; còn việc nhận xét chi tiết và rút kinh nghiệm cho mỗi GV thì chưa được thực hiện mà chủ yếu nhận xét chung cho cả tổ chuyên môn.

Những hạn chế ở nội dung trên là logic với kết quả đánh giá của nội dung “Xây dựng và triển khai tiêu chí đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên”, khi nội dung này được đánh giá thấp thứ hai với 30% thường xuyên và 30% rất thường xuyên do CBQL đánh giá, 25,6% thường xuyên và 29,1% rất thường xuyên do GV đánh giá; hiệu quả thực hiện tương ứng cũng rất thấp. Thực trạng này là dễ hiểu khi việc xây dựng tiêu chí đánh giá luôn là vấn đề khó đối với CBQL các trường nói chung.

Các nội dung khác cũng được đánh giá thấp là “Kiểm tra, rà soát đội ngũ về số lượng, trình độ, cơ cấu để có sự điều chỉnh phù hợp” và “Khen thưởng GV tích cực học tập, bồi dưỡng và đạt thành tích trong phong trào thi đua dạy tốt - học tốt”. Để tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng này, chúng tôi đã phỏng vấn một số GV, các ý kiến đều thống nhất cho rằng: Việc phân loại về trình độ GV để có kế hoạch bồi dưỡng những người còn yếu là vấn đề tế nhị (khó thực hiện), nhà trường chưa có chế độ khen thưởng thỏa đáng cho những GV tích cực học tập, bồi dưỡng.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát 04 nội dung quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV ở các trường tiểu học quận 2, TP. Hồ Chí Minh đã cho thấy, CBQL đánh giá mức độ và hiệu quả thực hiện các nội dung cao hơn GV, hiệu quả thực hiện thấp hơn so với mức độ thực hiện. Những nội dung thực hiện chưa thường xuyên và hiệu quả chưa tốt gồm: GV xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn của từng cá nhân; Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng của tổ; Lấy ý kiến về nhu cầu bồi

dưỡng của GV; BGH tạo điều kiện cho GV tham gia học lớp sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn; BGH trang bị các phương tiện, điều kiện cần thiết cho GV khi tham gia bồi dưỡng chuyên môn; Cung cấp tài liệu chuyên môn cho GV tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng; Tổ chức câu lạc bộ, hội thảo để GV trao đổi, học tập kinh nghiệm; BGH thường xuyên dự giờ, góp ý cho GV sau các đợt bồi dưỡng, rút kinh nghiệm; Tuyên dương GV, tổ chuyên môn thực hiện tốt hoạt động bồi dưỡng chuyên môn; Đánh giá, rút kinh nghiệm cho GV theo từng giai đoạn và từng năm học; Xây dựng và triển khai tiêu chí đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên; Kiểm tra, rà soát đội ngũ về số lượng, trình độ, cơ cấu để có sự điều chỉnh phù hợp; Khen thưởng GV tích cực học tập, bồi dưỡng và đạt thành tích trong phong trào thi đua dạy tốt - học tốt. Kết quả này là cơ sở thực tiễn quan trọng để hiệu trưởng các trường tiểu học quận 2, TP. Hồ Chí Minh đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp với đặc thù của địa phương.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”*.
- [2] UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2014). *Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 về Phê duyệt Đề án “Quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý ngành Giáo dục TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2020”*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2011). *Thông tư số 32/2011/TT-BGDĐT ngày 08/8/2011 về Ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học*.
- [4] Lê Thanh Diệu Ái (2016). *Về quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiểu học ở quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 11, tr 16-18.
- [5] Nguyễn Quang Nhữ (2014). *Một số vấn đề quan trọng về bồi dưỡng giáo viên tiểu học*. Tạp chí Giáo dục, số 344, tr 33-35.
- [6] Nguyễn Tiến Phúc (2013). *Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp ở một số tỉnh vùng Tây Bắc*. Tạp chí Giáo dục, số 319, tr 14-16.
- [7] Nguyễn Thị Mạnh Tiến (2017). *Thực trạng hoạt động bồi dưỡng giáo viên và quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên ở các trường mầm non quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Chuẩn nghề nghiệp*. Tạp chí Giáo dục, số 414, tr 5-8; 4.